



PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 của HĐND tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020				Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021				Ghi chú		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSFW, ODA	Vốn CDNS địa phương		Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ		Vốn khác	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối		Vốn XSKT	Vốn khác
TỔNG SỐ																				
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ																			
A.1	Trả nợ vốn vay																			
A.2	Vốn chuẩn bị đầu tư																			
A.3	Vốn thực hiện đầu tư																			
1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp																			
1.1	Cấp tỉnh quản lý																			
(1)	Sở GDĐT																			
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																			
1	Trường PT DTNT thị xã Ninh Hòa	Sở GDĐT	2018-2021	39A/HĐND ngày 31/07/2017	3259/QĐ-UBND 19/10/2017; 2557/QĐ-UBND 21/09/2020	46.509	14.109	32.400	17.860	6.500	24.360	2.000	2.000	0	0	0	0	0	0	0
2	Trường THPT Nam Cam Ranh	Sở GDĐT	2019-2022	3400/QĐ-UBND 30/10/2016	3099/QĐ-UBND 19/10/2017; 2612/QĐ-UBND 26/09/2020	26.993	26.993	0	1.166	0	1.166	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Trường THPT Tây Bắc Điện Khánh	Sở GDĐT	2019-2022	07/HĐND ngày 06/01/2017	2371/QĐ-UBND 17/02/2015; 2558/QĐ-UBND 21/09/2020	40.000	40.000	0	3.935	0	3.935	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Trường THPT Bắc Vân Ninh	Sở GDĐT	2019-2022	335/HĐND ngày 19/10/2017	2238/QĐ-UBND 09/12/2015; 2325/QĐ-UBND 24/09/2020	34.999	34.999	0	500	0	500	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định phê duyệt, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020				Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021				Ghi chú
						TMDT		Trong đó:		Trong đó:				Trong đó:				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CBNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	
5	Trưởng THPT Ninh Sim	Sở GDĐT	2016-2022	391/UBND ngày 30/11/2017	1746/QĐ-UBND ngày 17/6/2019; 2384/QĐ-UBND ngày 24/9/2020	36.592	36.592	500	500					10.000	10.000			
(2)	Trưởng Đại học Khánh Hòa													4.000	4.000	0	0	0
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
1	Cải tạo, sửa chữa cơ sở 2 Trường Đại học Khánh Hòa	Trường ĐH Khánh Hòa	2020	2064/QĐ-UBND ngày 5/9/2017	3291/QĐ-UBND ngày 26/10/2017; 1659/QĐ-UBND ngày 29/5/2018; 7643/QĐ-UBND ngày 30/9/2020	4.552	4.552	200	200					4.000	4.000			
(3)	BQL DABT XD các CT GT													35.000	35.000	0	0	0
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
1	CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hới Ông	BQL DABT XD các CT GT	2006-2021		131/QĐ-UBND ngày 26/6/2006; 8103/QĐ-UBND ngày 16/1/2020	562.820	562.820	183.525	183.525					35.000	35.000			
(4)	BQL DABT XD và CN													23.000	23.000	0	0	0
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
1	BTHH để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trường CD Sư phạm Nha Trang	BQL DABT XD các CT DD và CN	2012-2021		2163/QĐ-UBND ngày 30/8/2012; 2701/QĐ-UBND ngày 06/10/2020	74.935	74.935	46.850	46.850					23.080	23.000			
1.2	Hỗ trợ cấp huyện													26.472	26.472	0	0	0
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
1	Trưởng THCS Vạn Giã	Ban QLDA các CT XD Vạn Giã	2020-2021	1935/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	2181/QĐ-UBND ngày 11/1/2019	5.559	3.891	1.659	1.659					2.232	2.232			
2	Trưởng THCS Diên Đồng	Phòng GDĐT Diên Khánh	2019-2021	1398/QĐ-UBND ngày 8/12/2015	609/QĐ-UBND ngày 30/6/2018	20.409	14.346	9.790	9.790					5.440	5.440			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian KKC-IT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bỏ từ khi công kiến hết năm 2020					Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021					Chi chú							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CBNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ	Vốn khác	Trong đó:			Vốn khác								
								Vốn NSTW, ODA	Vốn ODA cấp phát							Vốn vay lại Chính phủ	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XDCB tập trung			Vốn XSKT	Vốn khác					
3	Trường Mầm non Sen Hồng	Ban QLDA tỉnh Lâm	2020-2021	1250/QĐ-UBND ngày 31/8/2019	26.970	12.000				5.000	5.000				7.000	7.000											
4	Trường THCS Lê Hồng Phong	Ban QLDA tỉnh CTXD Công Nhân	2019-2021	2980/QĐ-UBND ngày 25/12/2015	41.999	29.397				24.397	24.397				5.000	5.000											
5	Trường mầm non 2 tháng 4, hàng mục: khối lớp học 04 phòng, nhà lãnh chính, bếp ăn một chiều, phòng học chức năng và hệ thống điện nước ngoài nhà	Ban QLDA tỉnh CTXD Công Nhân	2020-2021	1522/QĐ-UBND ngày 31/8/2016	10.496	7.300				500	500				6.800	6.800											
II Khoa học, công nghệ																											
(1) Sở KH-CN																											
Dự án chuyển tiếp																											
1	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH-CN Khánh Hòa	Sở KH-CN	2016-2022	2100/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	109.066	109.066				14.136	14.136				20.000	20.000											
2	Trạm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở KH-CN	2019-2022	3100/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	77.418	77.418				2.600	2.600				25.000	25.000											
III Y tế, dân số và gia đình																											
(1) Sở Y tế																											
Dự án chuyển tiếp																											
1	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Diên Khánh (cũ) thành bệnh viện Nhiệt đới (gđ.2)	Sở Y tế	2016-2020	3000/QĐ-UBND ngày 09/12/2015	80.000	35.000				45.000	45.000				23.300	23.300											
2	Bệnh viện Ung bướu	Sở Y tế	2016-2022	3300/QĐ-UBND ngày 09/12/2015	560.862	224.862				336.000	336.000				108.600	108.600											
3	Các đội y tế dự phòng huyện; đội chăm sóc sức khỏe huyện	Sở Y tế	2019-2021	3400/QĐ-UBND ngày 25/11/2016	49.996	49.996				33.000	33.000				12.000	12.000											

STT	Đanh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định phê duyệt ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã hỗ trợ từ khởi công đến hết năm 2020				Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021				Ghi chú						
						TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay tại Chính phủ	Vốn khác	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDDB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn khác	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							Vốn ODA cấp phát	Vốn khác							Vốn thu tiền SDD trong cân đối
4	Bệnh viện đa khoa Nha Trang	Sở Y tế	2019-2023	210/QĐ-HĐND ngày 26/10/2019	812/QĐ-HĐND ngày 20/2/2019; 1145/QĐ-HĐND ngày 29/5/2020	355.296	355.296	17.765	17.765					130.000			130.000						
IV	Văn hóa thông tin													4.500	0	0	0	4.500					
1.1	Cấp tỉnh quản lý													4.500	0	0	0	4.500					
(1)	Sở VHHT													4.500	0	0	0	4.500					
	Dự án chuyển tiếp													4.500	0	0	0	4.500					
1	Đường vào khu mộ Bác sĩ Yersin xã Suối Cát	Sở VHHT	2018-2021	321/QĐ-TUBND ngày 27/10/2016	2159/QĐ-HĐND ngày 01/8/2017	8.121	8.121	4.000	4.000					4.000				4.000	Nguồn thu phí tham quan				
V	Thể dục thể thao													4.000	4.000			4.000					
(1)	LD lao động tỉnh													4.000	4.000			4.000					
	Dự án chuyển tiếp													4.000	4.000			4.000					
1	Nhà hát đờn thể dục, thể thao Liên đoàn lao động tỉnh	LD lao động tỉnh	2018-2021	47/QĐ-TTg ngày 13/01/2017	1812/QĐ-TLĐ ngày 31/10/2017	26.000	8.000	15.000	5.073	73	5.000			4.000				4.000					
VI	Bảo vệ môi trường (trong đó có bảo vệ tài nguyên, khác phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)													107.000	107.000			107.000					
1.1	Cấp tỉnh quản lý													105.000	105.000			105.000					
(1)	BQLDA Phát triển tỉnh													105.000	105.000			105.000					
	Dự án chuyển tiếp													60.000	60.000			60.000					
1	Đáp ngân mặt sông Cái Nha Trang	BQLDA Phát triển tỉnh	2018-2022	HĐND tỉnh phê duyệt	787/QĐ-HĐND ngày 22/7/2018	759.516	151.411	608.105	236.193	23.410				60.000	60.000			60.000					

STT	Đanh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021					Ghi chú
						TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ		Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu hồi SDB trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn khác	
2	Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiêu dự án thành phố Nhà Trang	BQLDA Phát triển kinh	2018-2022	82/QĐ-TTg ngày 06/4/2016	3148/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	1.607.510	254.611	1.352.899	22.500	290.042	158.080	470.622	45.000	45.000	0	0	0	0		
1.2	Hỗ trợ cấp huyện												2.000	2.000	0	0	0	0		
(1)	Huyện Khánh Sơn												2.000	2.000	0	0	0	0		
	Dự án chuyển tiếp																			
1	Là đối tác huyện	Phòng TN&MT huyện Khánh Sơn	2020-2021		957/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	5.495	3.800	1.800	1.800			1.800	2.000	2.000						
VII	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản												218.635	182.135	0	36.500	0	0		
1.1	Cấp tỉnh quản lý												102.691	66.191	0	36.500	0	0		
(1)	Sở NN&PTNT												64.691	54.191	0	10.500	0	0		
	Dự án chuyển tiếp												64.691	54.191	0	10.500	0	0		
1	Hỗ chứa nước Đặc Lọc	Sở NN&PTNT	2014-2021		373/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 243/QĐ-UBND ngày 16/8/2017; 186/QĐ-UBND ngày 08/5/2019	188.795	136.795	52.000	43.106	45.800		88.906	188.795	45.500	0	10.500	0	0		
2	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	Sở NN&PTNT	2018-2022	01/2016/QĐ-UBND ngày 31/2/2016	189/QĐ-UBND ngày 27/6/2018	224.648	11.916	212.732	10.225	90.000	35.038	135.263	1.691	1.691						
3	Cải tạo, nâng cấp kênh chính Nam hồ chứa Cam Ranh và kênh chính hồ chứa Suối Dầu (ADB8)	Sở NN&PTNT	2019-2024		189/QĐ-UBND ngày 22/6/2018; 137/QĐ-UBND ngày 08/5/2019	421.400	77.800	171.800	2.732	1.200	1.206	5.138	7.000	7.000						
(2)	BQLDA DT XDCT NN&PTNT												26.000	0	0	26.000	0	0		
	Dự án chuyển tiếp																			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021				Ghi chú		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDDB tập trung	Vốn thu trên SDB trong cân đối		Vốn XSKT	Vốn khác
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Vốn ODA												
1	Kế chiến sống bờ biển bảo vệ khu dân cư Phú Hội 2	BQLDAĐT XDCT NN&PTNT	2020-2022	1240/QĐ-UBND ngày 15/5/2020	165/QĐ-UBND ngày 3/7/2020	80.745	20.745	60.000	20.000	20.000	20.000	20.000	5.000			5.000					
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng chống ngập lụt, xóa lợ Khu dân cư Mỹ Thạnh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, kế bờ hữu sông Cái và kế bờ sông Cái qua xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang	BQLDAĐT XDCT NN&PTNT	2020-2023	1180/QĐ-UBND ngày 15/5/2020	165/QĐ-UBND ngày 3/7/2020	299.662	99.662	200.000	23.132	23.132	23.132	23.132	20.000			20.000					
3	Tiểu thoát lũ các xã Diên Sơn - Diên Điền - Diên Phú	BQLDAĐT XDCT NN&PTNT	2020-2022	1600/QĐ-UBND ngày 15/5/2020	2637/QĐ-UBND ngày 30/6/2020	90.613	10.613	80.000	4.000	4.000	4.000	4.000	1.000			1.000					
(3)	Công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi Khánh Hòa												12.000		12.000			0			
	Dự án chuyển tiếp																				
1	Hệ thống kênh Đập Hòa Huỳnh-Bồn Tôm-Buay Ruột Ngựa	CTY Thủy lợi KH	2018-2021	3180/QĐ-UBND ngày 09/12/2015	3122/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	80.000	26.000	54.000	53.211	53.211	42.000	42.000	12.000		12.000						
1.2	Hỗ trợ cấp huyện												115.944		115.944			0			
(1)	Thị xã Ninh Hòa												17.000		17.000			0			
	Dự án chuyển tiếp																				
1	Kế, đập ngăn mặn sông Đố Hòa	UBND NH	2020-2022	1400/QĐ-UBND ngày 15/5/2020	2638/QĐ-UBND ngày 31/6/2020	120.000	60.000	40.000	1.300	1.300	1.300	1.300	15.000		15.000						
2	Kế chiến bầu Thành Mỹ, đoạn từ cầu Chợ Mới đến cầu Nhà Trè	UBND xã Ninh Quang	2020-2021	1600/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	2827/QĐ-UBND ngày 17/6/2020	4.532	4.000		2.000	2.000	2.000	2.000	2.000		2.000						
(2)	Huyện Vạn Ninh												39.744		39.744			0			
	Dự án chuyển tiếp																				
1	Bến cá Quảng Hội	UBND VN	2019-2021	3215/QĐ-UBND ngày 10/10/2017	2609/QĐ-UBND ngày 7/6/2018	35.652	35.652		29.002	29.002	29.002	29.002	4.000		4.000						

20

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí từ thời công đến hết năm 2020					Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021					Ghi chú		
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NS TW, ODA	Vốn CNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh										Vốn NS TW, ODA	Vốn XDCB tập trung		Vốn thu tiền SDB trong cần đổi	Vốn XSKT
2	Kè bờ biển lũy tràn Vạn Giã (giai đoạn 1)	UBND VN	2016-2020	33/NQ-HĐND ngày 09/12/2015	318/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	128.094	59.094	66.000	98.394	39.094	59.300	20.000	20.000	20.000							
3	Kè, đường từ đường Sắt đến cầu huyện	UBND VN	2019-2021	106/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	2059/QĐ-UBND ngày 16/10/2017	19.987	12.000		6.256	6.256		5.744	5.744								
4	Kè biển chống xói lở đoạn từ phía Nam cầu Trắc Hưng Đạo đến Trung tâm y tế huyện Vạn Ninh	UBND VN	2020-2022	67/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	1916/QĐ-UBND ngày 31/7/2020	96.000	36.000	60.000	4.200	4.200		10.000	10.000								
(3)	Huyện Diên Khánh											38.700	38.700	0	0	0	0				
(4)	Dự án chuyển tiếp											38.700	38.700	0	0	0	0				
1	Kè và tuyến đường số 1 sông Cái và sông Suối Dầu	UBND DK	2013-2021		2787/QĐ-UBND ngày 06/11/2012	217.386	138.170	20.000	106.016	86.016	20.000		25.000	25.000							
2	Kè và đường dọc sông Khánh nối sông Cái Nha Trang và sông Đông Đon, huyện Diên Khánh	Ban QLDA các CTXD Diên Khánh	2018-2021	67/NQ-HĐND ngày 31/3/2017	581/QĐ-UBND ngày 31/07/2017	80.117	17.500	55.000	45.400	13.800	31.600		2.700	2.700							
3	Kè chống sạt lở bờ sông Chò, đoạn qua trường mẫu giáo xã Diên Xuân	Ban QLDA các CTXD Diên Khánh	2020-2021	86/NQ-HĐND ngày 14/9/2020	230/QĐ-UBND ngày 14/9/2020	17.000	12.000		1.000	1.000			11.000	11.000							
(4)	Huyện Cam Lâm											10.000	10.000	0	0	0	0				
(4)	Dự án chuyển tiếp																				
1	Kè và đường ven đầm Thủy Triều (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Yersin), huyện Cam Lâm	UBND CL	2020-2023	39/NQ-UBND ngày 15/5/2020	1914/QĐ-UBND ngày 31/7/2020	160.000	42.000	90.000	1.555	1.555			10.000	10.000							
(5)	Huyện Khánh Sơn																				
(5)	Dự án chuyển tiếp																				
1	Kè bảo vệ bờ sông Tô Hạp đoạn qua thị trấn Tô Hạp và xã Sơn Hiệp, huyện Khánh Sơn	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	2018-2021	20/HĐND ngày 31/3/2017	1849/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	81.550	17.500	55.000	38.100	13.500	24.600		3.000	3.000							

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020				Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021				Ghi chú
						TMDT		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NS NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	
2	Kế chống sét lở thối, Thia Màng xã Ba Cụt Bắc	Phòng NN&PTNT Kiên Giang	2020-2021	603/QĐ-UBND ngày 04/06/2020	241/QĐ-UBND ngày 08/02/2020	4.500	4.500		2.000	2.000				2.000				
(6)	TP Cam Ranh													5.500	5.500	0	0	0
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
1	Kế chống sét lở sông Lạch Cầu 2 và Lạch Cầu 3, TP Cam Ranh	Ban QLDA các CTXD Cam Ranh	2018-2021	272/QĐ-UBND ngày 31/02/2017	157/QĐ-UBND ngày 24/06/2017	81.550	17.500	55.000	30.600	11.000	19.600			5.500	5.500			
VIII	Giao thông													416.112	416.112	0	0	0
I.1	Cấp tỉnh quản lý													367.300	367.300	0	0	0
(1)	Sở GTVT													130.000	130.000	0	0	0
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
1	Đường Tỉnh lộ 2 (ĐT.635), đoạn từ Cầu Hũ Dừa đến Cầu Đồi	Sở GTVT	2019-2022	087/QĐ-UBND ngày 09/01/2017	342/QĐ-UBND ngày 29/07/2018	355.116	355.116		155.000	155.000				130.000	130.000	0	0	0
(2)	UBND các huyện, thị xã, thành phố													37.300	37.300	0	0	0
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến đường mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua TP Nha Trang (phần 01 bên đường còn lại đối với các đoạn qua đô thị, qua khu dân cư đồng đặc)	UBND NT	2020-2021	2837/QĐ-UBND ngày 21/10/2015	1672/QĐ-UBND ngày 13/02/2016	17.779	17.779		1.000	1.000				10.000	10.000			
2	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến đường mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua TX Ninh Hòa (phần 01 bên đường còn lại đối với các đoạn qua đô thị, qua khu dân cư đồng đặc)	UBND NH	2020-2021	2836/QĐ-UBND ngày 21/10/2015	3381/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	11.080	11.080		1.000	1.000				9.000	9.000			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021					Ghi chú						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:										
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA		Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ	Vốn khác		Vốn XDCB tập trung	Vốn thu mua SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn khác							
3	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến đường mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua huyện Cam Lâm (phần 01 bên đường còn lại đối với các đoạn qua đô thị, qua khu dân cư đồng đều)	UBND CL	2020-2021	2435/QĐ-UBND ngày 8/10/2015	2812/QĐ-UBND ngày 22/9/2015	13.762	13.762	1.000	1.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000												
4	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến đường mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua huyện Vạn Ninh (phần 01 bên đường còn lại đối với các đoạn qua đô thị, qua khu dân cư đồng đều)	UBND VN	2020-2021	2434/QĐ-UBND ngày 8/10/2015	3160/QĐ-UBND ngày 23/10/2017; 2031/QĐ-UBND ngày 07/9/2020	7.646	7.646	1.000	1.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000												
5	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến đường mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua huyện Diên Khánh (phần 01 bên đường còn lại đối với các đoạn qua đô thị, qua khu dân cư đồng đều)	UBND DK	2020-2021	2833/QĐ-UBND ngày 8/10/2015	3099/QĐ-UBND ngày 22/9/2016; 2610/QĐ-CT-UBND ngày 28/9/2016	13.494	13.494	7.700	7.700	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300												
(3)	BQLDA DT XDCT NN&PTNT																									
	Dự án chuyển tiếp																									
1	Đường D30 - Kéo nối đường 23 tháng 10 với đường Võ Nguyên Giáp	BQLDA DT XDCT NN&PTNT	2019-2022	2670/QĐ-UBND ngày 23/8/2018	3786/QĐ-UBND 31/10/2018	129.534	129.534	6.460	6.460	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000												
(4)	BQL DABDT XD các CT GT																									
	Dự án chuyển tiếp																									
1	Đường Tỉnh lộ 3	BQL DABDT XD các CT GT	2019-2022	3290/QĐ-UBND ngày 01/2/2018	2880/QĐ-UBND 28/01/2019	340.750	340.750	25.000	25.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000												
1.2	Hỗ trợ cấp huyện																									
(1)	Huyện Vạn Ninh																									

9

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định, nghị, thông, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020				Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021				Ghi chú
						TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
						Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Vốn ODA cấp phát	Vốn TW hỗ trợ		Vốn vay lại Chính phủ	Vốn khác	Vốn thu tiền SDĐ trong cân đối		Vốn XSKT	Vốn khác		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
1	Đường Lê Lợi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường ray xe lửa)	Ban QLDA các CTXD Ven Ninh	2019-2021	194/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	194/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	27.201	18.000	4.686	4.686	13.214	13.314	15.000	15.000	0	0	0		
(2)	Huyện Điện Khánh																	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
1	Đường Nguyễn Trãi nối dài giáp đường tránh QL1A	Ban QLDA các CTXD Điện Khánh	2019-2021	14/NQ-UBND ngày 31/10/2015	54/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	59.823	40.000	25.000	25.000	15.000	15.000	17.600	17.600	0	0	0		
(4)	Huyện Khánh Sơn																	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
1	Đường D9	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	2017-2021	579/QĐ-UBND ngày 3/10/2016	66/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	50.000	30.000	12.400	12.400	17.600	17.600	2.898	2.898	0	0	0		
(5)	TP Cam Ranh																	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
1	Đường vào Trường THPT Nam Cam Ranh		2019-2020	241/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	359/QĐ-UBND ngày 12/12/2019	14.953	3.256	358	358	2.898	2.898	13.700	13.700	0	0	0		
IX	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế																	
(1)	BQL KKT Vân Phong																	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
1	Đường giao thông từ QL1A đến Đầm Môn	BQL KKT Vân Phong	2016-2022	128/QĐ-NKKT ngày 30/10/2015		998.170	998.170	82.300	396.219	478.519	10.000	10.000	10.000	0	0	0		
(2)	Sở Công Thương																	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	

g

STT	Đánh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bỏ từ khi khởi công đến hết năm 2020					Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021					Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
						Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Vốn CBNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ		Vốn khác	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDF trong cân đối		Vốn XSKT
I	Mở rộng dải cây xanh cách ly Công Viên Dã Lộ	Sở Công Thương	2020-2021	192/QĐ-UBND ngày 20/2/2017	3413/QĐ-UBND ngày 8/11/2018; 2611/QĐ-UBND 26/9/2020	4.631	4.631	500	500			3.700	3.700						
X	Cấp nước, thoát nước											4.000	4.000	0	0	0	0		
(1)	Ban QL-DA Phát triển tỉnh											4.000	4.000	0	0	0	0		
	Dự án chuyển tiếp																		
1	Hệ thống thoát nước mưa khu vực Nam hòn Khô (giai đoạn 2) - Tuyên T)	BQL-DA Phát triển tỉnh	2013-2021	278/QĐ-UBND 20/9/2016; 388/QĐ-UBND 4/12/2017; 469/QĐ-UBND 24/12/2018; 148/QĐ-UBND 4/6/2020		79.808	79.808	65.024	65.024			4.000	4.000						
XI	Quản lý nhà nước											2.500	2.500	0	0	0	0		
	Dự án chuyển tiếp																		
I	Trụ sở làm việc Hội Cựu chiến binh tỉnh	Hội CCB	2019-2021	222/QĐ-UBND 26/4/2016	3133/QĐ-UBND 31/10/2016; 2617/QĐ-UBND 26/9/2020	5.833	5.833	3.000	3.000			2.500	2.500	0					
XII	Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội											63.000	63.000	0	0	0	0		
(1)	Công an tỉnh											18.000	18.000	0	0	0	0		
	Dự án chuyển tiếp																		
2	Nhà làm việc công an thành phố Nha Trang	CA tỉnh	2019-2021	941/QĐ-UBND 6/4/2016	3336/QĐ-UBND 31/10/2016; 1407/QĐ-UBND 14/5/2019	22.753	22.753	12.100	12.100			8.000	8.000						
3	Trung tâm chỉ huy Cảnh sát PCCC tỉnh Khánh Hòa	CA tỉnh	2017-2022	2099/QĐ-BCA-HQ 21/6/2016	283/QĐ-HH-145 ngày 18/10/2016; 119/QĐ-HH-145 ngày 14/6/2017, 124/QĐ-HH-145 ngày 21/6/2017	143.417	50.211	23.000	23.000	93.206		10.000	10.000						

STT	Đanh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chức danh tư	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Lý kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021				Ghi chú		
						Tổng số nguồn vốn	TMBĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Vốn TW hỗ trợ	Vốn ODA cấp phát	Vốn vay lại Chính phủ	Vốn khác	Tăng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Tổng số nguồn vốn	Vốn NS tỉnh								Vốn NSTW, ODA	Vốn XDCB tập trung		Vốn thu tiền SDD trong các đợt	Vốn XSKT
1	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngạc Hiệp	BQLPT	2017-2020	09/0Q-HBND 31/3/2016	2273/QĐ-UBND 5/8/2016; 3467/QĐ-UBND 13/11/2016	161.748	161.748	161.748	64.500	64.500	64.500	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	Sử dụng nguồn dự phòng dự không có nguồn Quỹ phát triển đất năm 2021 để bố trí	
2	Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	BQLDABT XD-HS CT 188&FTNT	2018-2020	335/ND-HĐND 27/10/2017	3241/QĐ-UBND 30/10/2017	90.343	90.343	90.343	29.394	29.394	29.394	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000		
B	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (đầu tư theo các ngành, lĩnh vực, chương trình)																			
1	Nguồn XDCB tập trung																			
1	Thành phố Nha Trang																			
2	Thành phố Cam Ranh																			
3	Huyện Cam Lâm																			
4	Huyện Diên Khánh																			
5	Thị xã Ninh Hoà																			
6	Huyện Vạn Ninh																			
7	Huyện Khánh Vĩnh																			
8	Huyện Khánh Sơn																			
II	Nguồn CQSD Đất																			
1	Thành phố Nha Trang																			
2	Thành phố Cam Ranh																			
3	Huyện Cam Lâm																			
4	Huyện Diên Khánh																			
5	Thị xã Ninh Hoà																			
6	Huyện Vạn Ninh																			
7	Huyện Khánh Vĩnh																			
8	Huyện Khánh Sơn																			